

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TKD24B3**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02190**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật chuyên ngành kế toán**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453403020112	Lương Huỳnh	Anh	11/11/2008			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2453403020113	Phan Thanh Hào	Anh	21/02/2009			9	10	10.0	10.0			9.5		9.6
3	2453403020114	Bùi Tuấn	Cảnh	06/07/2009			10	9	8.0	10.0			8.5		8.8
4	2453403020115	Thái Thị Kim	Cương	22/07/2009			10	9	9.0	9.0			8.5		8.8
5	2453403020116	Lê Nguyễn Hà	Giang	23/08/2009			10	10	9.0	8.0			8.5		8.7
6	2453403020117	Nguyễn Trần Trúc	Giang	20/03/2009			7	7	9.0	7.0			6.5		7.0
7	2453403020118	Phan Thị Bích	Hạnh	22/11/2009			9	9	10.0	8.0			6.0		7.2
8	2453403020119	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	18/08/2009			8	10	9.0	7.0			5.0		6.3
9	2453403020120	Trần Thanh	Hòa	07/09/2009			9	9	9.0	7.0			10.0		9.3
10	2453403020121	Võ Thành	Huy	15/09/2009			10	9	10.0	10.0			10.0		9.9
11	2453403020122	Lê Khánh	Hưng	08/01/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
12	2453403020123	Nguyễn	Hưng	06/06/2009			7	7	10.0	10.0			5.0		6.6
13	2453403020124	Nguyễn Chí	Khang	11/10/2007			10	9	10.0	8.0			6.0		7.3
14	2453403020125	Lê Thị Diễm	Kiều	29/09/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
15	2453403020126	Lê Thị Kim	Liên	23/02/2009			9	10	9.0	9.0			9.5		9.4
16	2453403020127	Trần Thị Trúc	Ngà	27/10/2009			8	7	9.0	7.0			10.0		9.1
17	2453403020128	Trần Thị Thanh	Ngân	22/09/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
18	2453403020129	Trần Thị Hồng	Ngọc	26/07/2008			10	10	10.0	9.0			10.0		9.9
19	2453403020130	Trần Thị Yên	Oanh	01/10/2004			10	9	10.0	9.0			10.0		9.8
20	2453403020131	Châu Thiện	Phát	07/09/2009			10	9	8.0	10.0			5.0		6.7
21	2453403020132	Huỳnh Thị Kim	Phụng	04/09/2009			9	10	9.0	9.0			7.5		8.2
22	2453403020133	Lê Ngọc Phi	Phụng	21/01/2009			10	9	8.0	9.0			10.0		9.5
23	2453403020134	Trần Hữu	Sang	28/10/2009			8	10	9.0	7.0			10.0		9.3
24	2453403020135	Lê Hữu	Tài	27/03/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
25	2453403020136	Dương Ngọc Thanh	Tâm	16/06/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
26	2453403020137	Nguyễn Thanh	Thuận	21/02/2009			9	9	9.0	7.0			10.0		9.3
27	2453403020138	Quách Kim	Thuận	12/09/2009			7	7	9.0	7.0			6.5		7.0
28	2453403020139	La Anh	Thư	28/01/2006			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
29	2453403020140	Võ Thị Cẩm	Tiên	11/02/2009			10	10	10.0	9.0			9.5		9.6
30	2453403020141	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	06/04/2009			10	10	10.0	8.0			9.0		9.1
31	2453403020142	Lại Thị Hoàng	Trúc	03/07/2009			9	9	9.0	9.0			8.5		8.7
32	2453403020143	Nguyễn Thị Diễm	Trúc	29/11/2009			9	10	9.0	9.0			0.0		3.7
33	2453403020144	Lê Thị	Vương	24/10/1991			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
34	2453403020145	Mai Vũ	Vy	19/04/2009			7	7	9.0	7.0			0.0		3.1
35	2453403020146	Nguyễn Lê Ngọc Tường	Vy	03/07/2009			10	9	9.0	8.0			6.0		7.1
36	2453403020147	Lê Trần Tuấn	Vỹ	12/09/2009			8	7	8.0	7.0			6.5		6.9

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2453403020148	Lê Thị Mỹ Yên	17/03/2008			10	10	10.0	8.0			9.5		9.4
38	2453403020149	Nguyễn Thị Như Ý	01/01/2009			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 8 tháng 1 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Võ Thúy Ngọc